



MARKET LENS

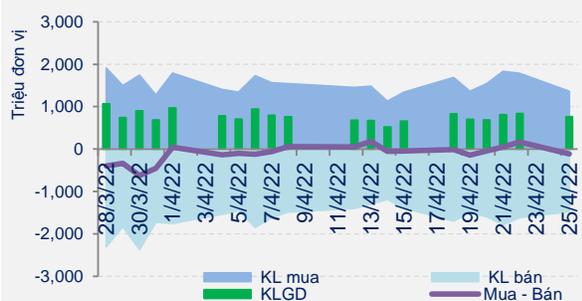
Phiên giao dịch ngày:

25/4/2022

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,310.92	337.51
% Thay đổi	↓ -4.95%	↓ -6.02%
KLGD (CP)	762,880,158	108,691,147
GTGD (tỷ đồng)	21,944.97	2,375.84
Tổng cung (CP)	1,475,401,400	128,847,600
Tổng cầu (CP)	1,358,597,000	110,707,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	56,875,772	1,127,500
KL mua (CP)	64,519,000	1,534,300
GT mua (tỷ đồng)	2,258.80	33.03
GT bán (tỷ đồng)	2,032.62	18.87
GT ròng (tỷ đồng)	226.18	14.16

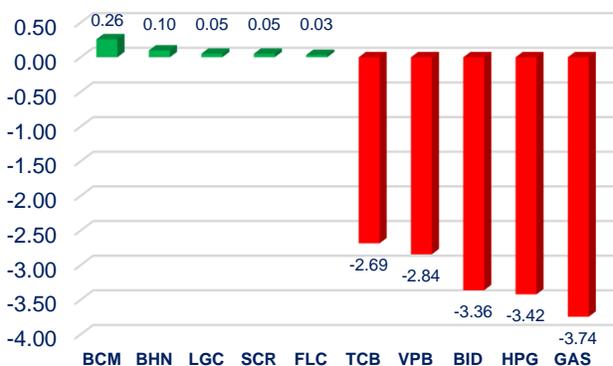
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



TOP CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường mà đại diện là chỉ số VN-Index giảm 5% giá trị vốn hóa, đây là phiên giảm mạnh nhất của thị trường từ đầu năm 2021 đến nay, chỉ sau phiên 29/1/2021 với mức giảm 6,7% giá trị vốn hóa.

Kết phiên VN-Index giảm 68,31 điểm (-4,95%) xuống 1.310,92 điểm. Độ rộng là tiêu cực với 443 mã giảm (171 mã giảm sàn), 21 mã tham chiếu, 37 mã tăng (4 mã tăng trần). HNX-Index giảm 21,61 điểm (-6,02%) xuống 337,51 điểm. Độ rộng là tiêu cực với 193 mã giảm (53 mã giảm sàn), 33 mã tham chiếu, 53 mã tăng (6 mã tăng trần).

Thanh khoản khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên cuối tuần trước nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên một chút với giá trị giao dịch đạt 23.381 tỷ đồng trên hai sàn tương ứng với khối lượng giao dịch là 850 triệu cổ phiếu.

Áp lực bán xuất hiện ngay từ đầu phiên và mạnh dần cho đến cuối phiên đã khiến các chỉ số cũng như các cổ phiếu trong đó kết phiên ở mức thấp nhất hoặc gần thấp nhất.

Nhóm cổ phiếu trụ cột thuộc VN30 (-4,95%) bị bán mạnh với cả 30 cổ phiếu đều giảm, trong đó có 16 mã giảm sàn như HPG (-7%), VPB (-6,9%), MWG (-7%), TCB (-6,9%), FPT (-6,9%)... đã tạo ra áp lực điều chỉnh mạnh lên thị trường.

Những nhóm ngành cổ phiếu mang tính thị trường cao như ngân hàng với STB (-6,9%), CTG (-7%), BID (-6,9%)..., chứng khoán với VND (-7%), SSI (-6,9%), SHS (-9,8%)..., bất động sản với DIG (-6,9%), IDC (-9,9%)..., thép với HPG (-7%), HSG (-7%), NKG (-6,9%)... đều bị bán mạnh và khá nhiều mã trong các nhóm trên đã nằm sàn.

Tích cực nhất trong phiên hôm nay có lẽ là nhóm cổ phiếu thuộc họ FLC với nhiều mã tăng giá như FLC (+2,9%), ROS (+1,8%), AMD (+2,4%), KLF (+5,4%), HAI (+0,3%), ART (+4,1%).

Khối ngoại mua ròng trên HOSE với giá trị ròng 214,66 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 3,9 triệu cổ phiếu. SBT là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 118 tỷ đồng. Tiếp theo là VRE với 62,7 tỷ đồng và DGC với 55,5 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là HPG với 118,3 tỷ đồng. Tiếp theo là DXG với 73,6 tỷ đồng.

Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 đều thấp hơn chỉ số cơ sở VN30 từ 8 đến 16 điểm cho thấy các nhà giao dịch vẫn nghiêng về khả năng thị trường có thể tiếp tục giảm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 25/4/2022

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index



VN-Index giảm rất mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên cuối tuần trước và cao hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất một chút. Kết hợp với diễn biến thị trường trong phiên hôm nay thì có thể thấy là bên bán đã hoàn toàn lấn át bên mua trong phiên hôm nay để khiến thị trường kết phiên ở gần mức thấp nhất.

Với phiên giảm mạnh hôm nay (-4,95%) thì VN-Index đã đánh mất ngưỡng hỗ trợ 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% sóng điều chỉnh 4) để xác nhận thị trường đã kết thúc sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4) đã thất bại hai lần trước đó vào đầu tháng 1/2022 và đầu tháng 4/2022.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ kỹ thuật thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng điều chỉnh a với target theo lý thuyết quanh ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 5). Trước đó, VN-Index có thể sẽ nhận được lực cầu hỗ trợ từ các ngưỡng hỗ trợ lần lượt là ngưỡng tâm lý 1.300 điểm và vùng 1.225-1.250 điểm (đáy tháng 7/2021) được kỳ vọng sẽ chặn được đà giảm của chỉ số.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 26/4, VN-Index vẫn có thể hồi phục trở lại nếu ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.300 điểm được giữ vững.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì VN-Index hoàn toàn có thể thủng ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.300 điểm để hướng đến vùng hỗ trợ tiếp theo trong khoảng 1.225-1.250 điểm (đáy tháng 7/2021).

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-Index (-5%) giảm rất mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần, ghi dấu phiên giảm mạnh nhất từ đầu năm 2021 trở lại đây, chỉ sau phiên 28/1/2021 với mức giảm 6,7%. Thanh khoản hôm nay cũng tăng nhẹ và cao hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất một chút cho thấy bên bán đã hoàn toàn áp đảo được bên mua.

Trên góc độ kỹ thuật, chỉ báo RSI (14) hiện đã về mức 20 điểm, đây là mức quá bán (<30) cao hơn cả ba lần quá bán trước đó lần lượt là tháng 7/2021, tháng 1/2021 và tháng 7/2020. Mức này chỉ thấp hơn mức quá bán của đợt tháng 3/2020 khi RSI (14) có lúc về chỉ 7.

Xét trên góc độ sóng Elliott thì VN-Index đã chuyển từ sóng tăng 5 sang sóng điều chỉnh a sau khi mất mốc hỗ trợ 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% sóng điều chỉnh 4). Target theo lý thuyết của sóng điều chỉnh a là quanh ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 5).

Tuy nhiên, nếu xét trên khía cạnh định giá thì P/E của VN-Index sau phiên hôm nay là khoảng 15,5 lần, xấp xỉ mức trung bình 5 năm. Trong khi đó, P/E của VN30 chỉ có 14,8 lần, thấp hơn mức trung bình 5 năm. Với mức định giá như trên, chúng tôi cho rằng khả năng thị trường giảm mạnh là khó có thể xảy ra và trong phiên giao dịch tiếp theo 26/4, VN-Index vẫn có thể hồi phục trở lại nếu ngưỡng hỗ trợ tâm lý quanh 1.300 điểm được giữ vững.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 25/4/2022

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
15/4/2022	VSC	44	42.5	53-55	40	3.53%	Chốt dừng vị thế do thị trường xấu
16/4/2022	PNJ	107	118.5	145-148	108	-9.70%	Bán cắt lỗ dừng vị thế
16/04/2022	HAH	64.8	72	86-90	66	-10.00%	Bán cắt lỗ dừng vị thế
16/4/2022	BIC	31.25	34.7	40-42	32.5	-9.94%	Bán cắt lỗ dừng vị thế
17/4/2022	DHC	77.5	83.6	40-42	79	-7.30%	Bán cắt lỗ dừng vị thế



TIN VĨ MÔ

"Tăng trưởng Việt Nam có thể đạt mục tiêu 6,5%, song duy trì lạm phát dưới 4% khó có khả năng đạt được"

Đây là dự báo của nhóm nghiên cứu của trường Đại học Kinh tế Quốc dân trong ấn phẩm Đánh giá Kinh tế Việt Nam thường niên 2021 với chủ đề "Kinh tế Việt Nam năm 2021 và triển vọng năm 2022: Ổn định kinh tế vĩ mô và lành mạnh tài chính trong bối cảnh đại dịch COVID-19", được công bố vào ngày 25/4.

Bộ Tài chính đề xuất giảm thuế nhập khẩu ưu đãi với xăng động cơ

Dự thảo Nghị định về biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi đang được Bộ Tài chính xây dựng và lấy ý kiến. Bộ Tài chính đề xuất giảm thuế nhập khẩu ưu đãi với mặt hàng xăng động cơ không pha chì từ 20% xuống còn 12%.

Chúng ta không hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế'

Thủ tướng Phạm Minh Chính phát biểu tại hội nghị phát triển thị trường vốn an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế rằng: "Chúng ta không nên hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế".
Thiếu tướng Lê Văn Tuyền, Thứ trưởng Bộ Công an cho biết thị trường chứng khoán trái phiếu doanh nghiệp là kênh huy động vốn hiệu quả của nền kinh tế.

Tập đoàn Lego đặc biệt quan tâm tới thị trường Việt Nam

Lego đặt rất nhiều kỳ vọng vào dự án nhà máy Lego tại Bình Dương vì đây sẽ là nhà máy sản xuất trung hòa carbon đầu tiên của Lego trên toàn thế giới.
Nhà máy Lego Bình Dương dự kiến được khởi công vào cuối năm 2022 và có thể đưa vào vận hành từ năm 2024.

IMF dự báo lạm phát năm 2022 của Việt Nam tăng gấp đôi năm ngoái

Theo phái đoàn IMF, chiến lược "sống chung với virus" sẽ giúp Việt Nam đạt mức tăng trưởng 6% trong năm 2022. Nhưng lạm phát được dự báo tăng lên mức 3,9% vào cuối năm nay.



TIN DOANH NGHIỆP

DXS dẫn đầu Top 5 công ty tư vấn và môi giới BĐS Việt Nam

Ngày 22/4/2022, tại Hà Nội, Dat Xanh Services (DXS) vinh dự nhận giải thưởng Top 5 Công ty Tư vấn và Môi giới bất động sản Việt Nam uy tín năm 2022 do Vietnam Report phối hợp với báo Vietnamnet bình chọn.

Dù không quá rủi ro, hàng nghìn tỷ đồng nợ vay của FLC bị nhiều ngân hàng thu hồi trước hạn vì “sức ép dư luận”

Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2021, Tập đoàn FLC có 24.065 tỷ đồng nợ phải trả, chiếm 71% tổng nguồn vốn. Bao gồm nợ Sacombank hơn 1.840 tỷ đồng, BIDV hơn 1.747 tỷ đồng, OCB 1.392 tỷ đồng, NCB 634 tỷ đồng,...

Hợp ĐHĐCĐ Gemadept: Tham vọng 2 năm liên tiếp tăng trưởng lợi nhuận trên 50%

Gemadept lên kế hoạch lợi nhuận 2022 đạt 1.000 tỷ đồng và phấn đấu đạt 1.200 tỷ đồng. Doanh nghiệp sẽ chào bán 100 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 20.000 đồng/cp.

Hợp ĐHĐCĐ CII: Không đủ điều kiện tổ chức do tỷ lệ cổ đông tham dự chiếm 23%

DHĐCĐ thường niên năm 2022 của CII bị hủy do không đủ điều kiện tiến hành, nhiều cổ đông không nhận được thư mời họp từ phía doanh nghiệp. Nếu hoàn thành kế hoạch 2022, CII sẽ phát hành 5 triệu cổ phiếu ESOP để gắn kết Ban lãnh đạo với công ty và bổ sung vốn lưu động. CII sẽ hủy chi trả 14% cổ tức của năm 2019, 2020 bằng tiền mặt và thay vào đó phát cổ phiếu thưởng cho cổ đông.

Hợp ĐHĐCĐ HBC: Đã đạt 50% chỉ tiêu trúng thầu, giá trị hợp đồng chuyển tiếp 16.000 tỷ đồng

Xây dựng Hòa Bình đặt mục tiêu năm nay với doanh thu 17.500 tỷ đồng, tăng 54% so với thực hiện năm trước, lợi nhuận hợp nhất 350 tỷ đồng, tăng 261%. Giá trị trúng thầu dự kiến đạt 20.000 tỷ đồng, trong đó 15.000 tỷ đồng dân dụng và 5.000 tỷ đồng công nghiệp. Công ty có kế hoạch chào bán 74 triệu cổ phiếu riêng lẻ và phát hành 12,5 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cp.

ĐHĐCĐ Cao su Miền Nam: Mục tiêu lợi nhuận 2022 tăng 83%, dù doanh thu đi ngang

Sáng ngày 25/04, CTCP Công nghiệp Cao su Miền Nam (HOSE: CSM) đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên để thông qua kế hoạch kinh doanh 2022 với mục tiêu lợi nhuận tăng trưởng 83%, dù doanh thu gần như đi ngang.

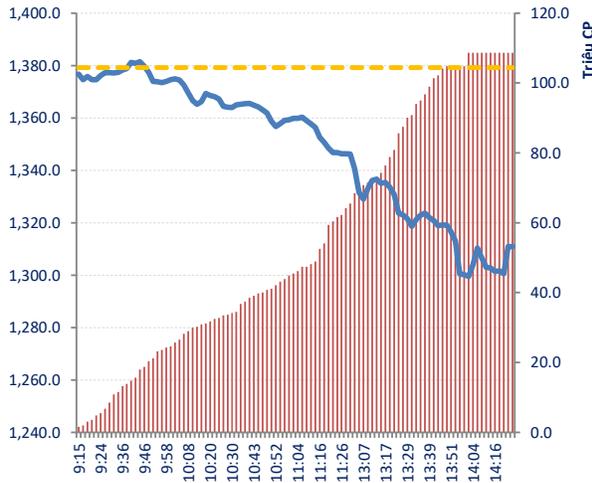
Hợp ĐHĐCĐ MWG: Tăng tốc chuỗi An Khang, có 400 cửa hàng vào cuối tháng 6

Đầu tư MWG sẽ tăng số lượng cửa hàng An Khang từ 178 lên 400 vào cuối tháng 6. Sau các thử nghiệm, doanh nghiệp sẽ đẩy mạnh chuỗi AVA Kids, nhân rộng từ 20 lên 50 cửa hàng vào tháng 6. Đầu tư MWG sẽ chia cổ tức 10% tiền mặt và 100% cổ phiếu cho năm 2021.

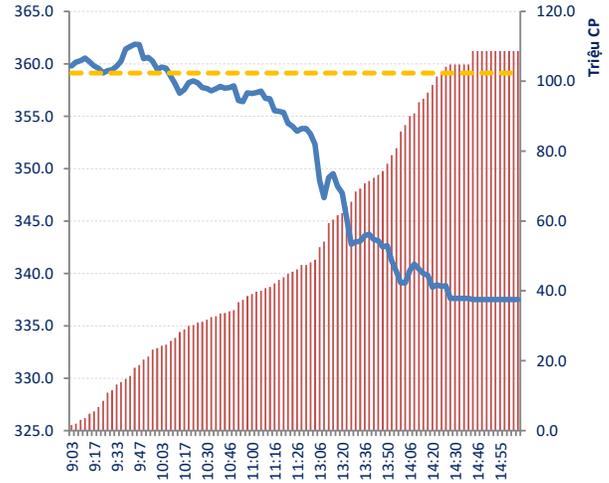


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

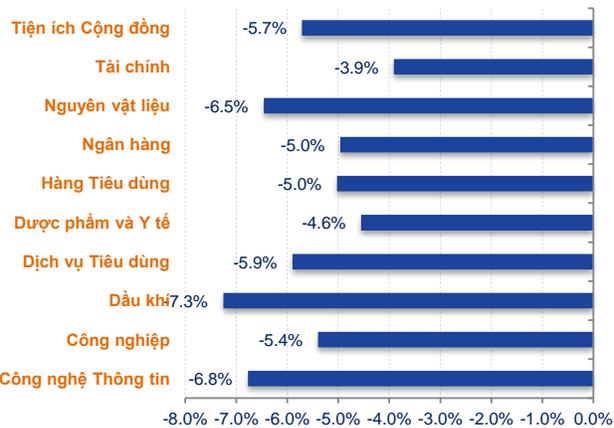
KLGD và VN-Index trong phiên



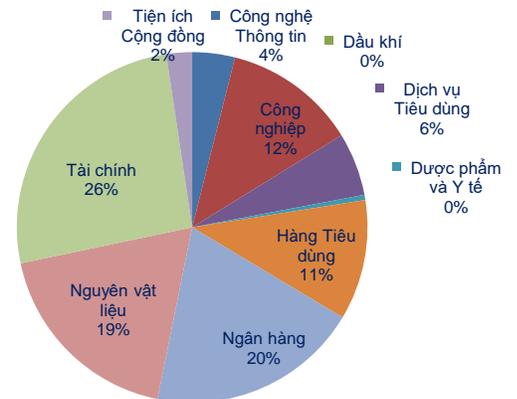
KLGD và HNX-Index trong phiên



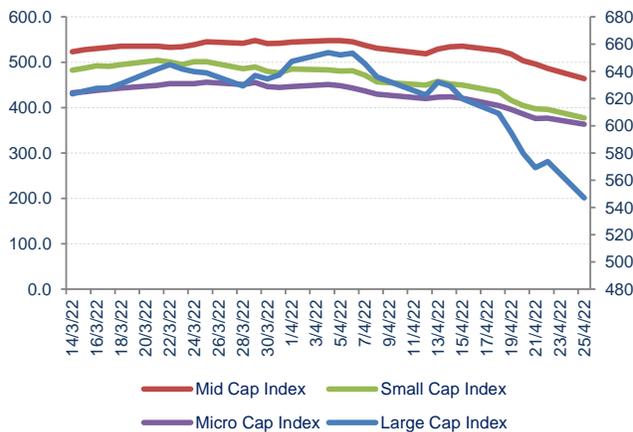
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



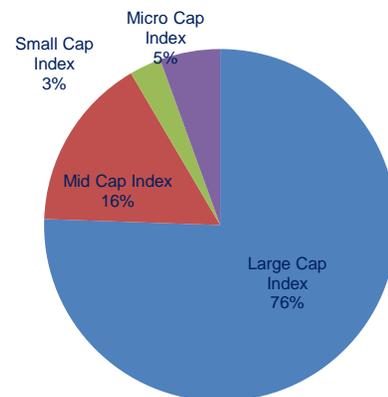
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SBT	6,388,100	HPG	2,825,400	1	PVS	688,300	MBG	641,500
2	VRE	2,078,100	DXG	2,177,900	2	SHS	150,600	IDJ	76,700
3	PVD	1,100,800	OCB	1,441,300	3	TVD	115,600	IDC	51,300
4	FUEVFNVD	1,094,800	VND	786,100	4	HOM	88,500	IDV	13,300
5	GMD	911,000	ROS	639,600	5	PVI	56,300	LHC	7,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VPB	36.80	34.25	↓ -6.93%	33,929,668	PVS	23.70	21.50	↓ -9.28%	10,466,384
HPG	43.80	40.75	↓ -6.96%	30,341,441	NVB	37.60	36.00	↓ -4.26%	10,103,085
TCB	44.10	41.05	↓ -6.92%	23,835,700	SHS	20.50	18.50	↓ -9.76%	7,348,382
MBB	30.00	28.10	↓ -6.33%	18,971,230	KLF	3.70	3.90	↑ 5.41%	7,195,841
HAG	9.80	9.12	↓ -6.94%	18,286,200	BII	6.20	5.60	↓ -9.68%	4,959,000

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DXV	5.51	5.89	0.38	↑ 6.90%	TPH	18.00	19.80	1.80	↑ 10.00%
SJF	11.00	11.75	0.75	↑ 6.82%	HHC	77.50	85.20	7.70	↑ 9.94%
ST8	12.50	13.35	0.85	↑ 6.80%	THS	17.30	19.00	1.70	↑ 9.83%
VRC	13.35	14.25	0.90	↑ 6.74%	LM7	4.10	4.50	0.40	↑ 9.76%
TAC	61.00	64.80	3.80	↑ 6.23%	CJC	17.60	19.30	1.70	↑ 9.66%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FIT	9.15	8.50	-0.65	↓ -7.10%	APS	16.00	14.40	-1.60	↓ -10.00%
VHC	95.80	89.10	-6.70	↓ -6.99%	UNI	22.00	19.80	-2.20	↓ -10.00%
TIP	35.00	32.55	-2.45	↓ -7.00%	DS3	7.00	6.30	-0.70	↓ -10.00%
PVT	20.00	18.60	-1.40	↓ -7.00%	DXP	19.00	17.10	-1.90	↓ -10.00%
MWG	155.80	144.90	-10.90	↓ -7.00%	L14	199.30	179.40	-19.90	↓ -9.98%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	369.48	46.0%	7,708	5.7	2.2
VPB	240.30	22.7%	3,891	9.5	1.7
TCB	152.12	21.5%	5,148	8.6	1.8
DXG	51.99	10.3%	1,937	17.9	1.5
NVL	37.42	8.8%	1,692	47.9	3.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-170.34	27.3%	6,881	22.6	5.5
KDH	-151.83	13.1%	1,931	25.4	3.1
SBT	-135.28	9.4%	1,276	15.2	1.5
FPT	-121.74	21.7%	4,787	23.2	4.7
GMD	-71.29	9.0%	2,031	25.8	2.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PLX	11.66	10.8%	2,265	22.1	2.3
HDG	5.64	23.4%	5,676	10.7	2.2
VHM	5.38	35.2%	8,991	7.2	2.1
FUEVFVND	5.29	N/A	N/A	N/A	N/A
HDC	3.53	23.6%	3,664	19.1	4.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-16.77	46.0%	7,708	5.7	2.2
APG	-4.88	6.5%	290	36.0	0.9
PVD	-4.62	0.1%	46	503.6	0.7
VNM	-3.77	30.3%	5,042	15.1	4.4
VCB	-3.72	21.6%	4,632	17.7	2.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	170.34	27.3%	6,881	22.6	5.5
KDH	153.00	13.1%	1,931	25.4	3.1
FPT	119.69	21.7%	4,787	23.2	4.7
REE	31.91	13.0%	6,002	12.8	1.5
PTC	27.88	23.3%	3,496	10.2	1.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-250.41	46.0%	7,708	5.7	2.2
VPB	-240.07	22.7%	3,891	9.5	1.7
TCB	-152.12	21.5%	5,148	8.6	1.8
FUEVFVND	-40.18	N/A	N/A	N/A	N/A
MSN	-29.01	25.4%	6,055	20.4	3.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	132.81	9.4%	1,276	15.2	1.5
VRE	64.16	4.4%	578	53.4	2.3
DGC	55.03	58.0%	20,107	11.8	5.3
VNM	54.43	30.3%	5,042	15.1	4.4
GMD	45.78	9.0%	2,031	25.8	2.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-102.30	46.0%	7,708	5.7	2.2
DXG	-74.14	10.3%	1,937	17.9	1.5
VCB	-33.79	21.6%	4,632	17.7	2.8
OCB	-32.90	22.5%	2,772	8.7	1.3
VHM	-31.01	35.2%	8,991	7.2	2.1



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	33,929,668	22.7%	3,891	9.5	1.7
HPG	30,341,441	3250.0%	7,708	5.7	2.2
TCB	23,835,700	21.5%	5,148	8.6	1.8
MBB	18,971,230	22.6%	3,361	8.9	1.8
HAG	18,286,200	2.8%	219	44.8	1.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	10,466,384	4.7%	1,258	18.8	0.9
NVB	10,103,085	0.0%	3	11,988.7	3.5
SHS	7,348,382	25.5%	2,643	7.8	1.0
KLF	7,195,841	0.4%	37	99.9	0.4
BII	4,959,000	5.3%	557	11.1	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DXV	↑ 6.9%	0.4%	40	138.8	0.5
SJF	↑ 6.8%	2.2%	231	47.6	1.0
ST8	↑ 6.8%	4.7%	596	21.0	1.0
VRC	↑ 6.7%	0.0%	6	2,410.2	0.5
TAC	↑ 6.2%	26.0%	4,452	13.7	3.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TPH	↑ 10.0%	7.3%	881	20.4	1.5
HHC	↑ 9.9%	10.8%	3,183	24.3	2.8
THS	↑ 9.8%	9.7%	1,399	12.4	1.4
LM7	↑ 9.8%	-51.2%	(3,096)	-	0.9
CJC	↑ 9.7%	-5.9%	(617)	-	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	6,388,100	9.4%	1,276	15.2	1.5
VRE	2,078,100	4.4%	578	53.4	2.3
PVD	1,100,800	0.1%	46	503.6	0.7
FUEVFVND	1,094,800	N/A	N/A	N/A	N/A
GMD	911,000	9.0%	2,031	25.8	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	688,300	4.7%	1,258	18.8	0.9
SHS	150,600	25.5%	2,643	7.8	1.0
TVD	115,600	19.9%	2,295	6.8	1.3
HOM	88,500	0.2%	26	330.2	0.7
PVI	56,300	11.2%	3,722	14.4	1.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	389,013	21.6%	4,632	17.7	2.8
VIC	296,343	-1.7%	(650)	-	1.9
VHM	281,728	35.2%	8,991	7.2	2.1
GAS	214,937	17.1%	4,531	24.8	4.1
HPG	195,914	46.0%	7,708	5.7	2.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	41,300	21.8%	2,805	42.1	6.5
KSF	32,430	9.0%	1,373	78.7	5.4
NVB	20,936	0.0%	3	11,988.7	3.5
VCS	18,064	40.6%	11,096	10.2	3.7
IDC	17,850	9.6%	1,514	39.3	3.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DAG	5.68	0.9%	100	74.9	0.7
PXI	5.62	-14.7%	(1,011)	-	0.5
MCG	5.00	-17.0%	(707)	-	1.7
FLC	4.96	0.7%	119	55.6	0.5
HQC	4.75	0.1%	9	568.9	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	2.86	2.7%	362	105.3	2.8
PVL	2.73	7.0%	343	18.4	1.2
ART	2.40	3.0%	350	14.0	0.4
APS	2.39	62.2%	9,839	1.6	1.3
BII	2.37	5.3%	557	11.1	0.6



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
